

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/KDTM - ST

Ngày: 29/6/2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúy;

Ông Đỗ Đức Hùng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn tiến hành xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 81/2021/TLST- KDTM
ngày 15/3/2021 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” và “*Hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-KDTM Ngày
14/5/2021; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Số 266 – 268 NK, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí
Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thành Tr;

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Bắc
Ninh;

Người đại diện được ủy quyền lại:

1. Ông Đào Quang T, sinh năm 1984, có mặt;

Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro;

2. Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1983, có mặt;

Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro;

Bị đơn: Ông Đàm Thế C, sinh năm 1983, vắng mặt;

Bà Trương Thị H, sinh năm 1992 (vợ ông Cộng), vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố MĐ, Phường HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Bắc Ninh (viết tắt Ngân hàng) có quan hệ tín dụng với bên vay là ông Đàm Thế C, bà Trương Thị H. Hai bên đã tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng số LD 1923500172 ngày 27/8/2019 (viết tắt HĐTD). Ngân hàng cho ông C, bà H vay số tiền là 700.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất đồ mỹ nghệ. Quá trình vay, ông C và bà H chưa trả được khoản tiền gốc nào, tiền lãi trả được đến tháng 11/2019.

Ngoài ra, giữa ông C và Ngân hàng cũng ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Số thẻ 970403-2380, số tài khoản thẻ 3429817400. Ông C đã thực hiện giao dịch với số tiền 774.800.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 749.600.000đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông C và bà H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 560, tờ bản đồ số 1, diện tích 110m² đứng tên chủ sử dụng đất là ông Đàm Thế C tại thôn MĐ, xã HM (nay là Khu phố MĐ, phường HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Ngân hàng khởi kiện buộc ông C, bà H yêu cầu thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2021, gồm các khoản sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nợ gốc: 700.000.000đồng; Dư nợ lãi 153.619.848 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 116.759.996 đồng; Lãi quá hạn 30.222.739 đồng; Lãi phạt 6.637.113đồng). Các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ;

- Khoản tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Tổng số tiền 61.980.550đồng (Trong đó tiền gốc: 43.327.930đồng; Lãi quá hạn: 18.652.620đồng) Các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Trường hợp ông C, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Nếu sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì ông C, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu. Ông C, bà H phải chịu án phí và các chi phí tố tụng.

Bị đơn là ông Đàm Thế C: Đồng ý với lời trình bày của Nguyên đơn. Hiện tại do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn; Đã rao bán nhà đất nhưng chưa có người mua. Nhất trí với đề nghị của Ngân hàng về việc đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị được xét miễn giảm tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Trương Thị H: Không hợp tác làm việc, nên không trình bày ý kiến

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về đề nghị giải quyết vụ án. Căn cứ : Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 - Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, khoản 1 Điều 325, 351, 463, 466 - Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 – Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95 - Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn thương tín : Buộc ông C, bà H phải thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi đến hết ngày 29/6/2021 của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; Khoản tiền lãi tiếp tục được tính theo nội dung các đương sự đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng. Trường hợp ông C, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất 560, tờ bản đồ số 1, diện tích 110m² tại Khu phố MĐ, phường HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để thu hồi nợ. Ông C, bà H phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sự vắng mặt của Bị đơn: Bị đơn là ông Đàm Thế C đã tham gia các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Trương Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không thể hiện rõ ý kiến của mình với yêu cầu khởi kiện và các nội dung Nguyên đơn và ông Đàm Thế C đã thỏa thuận được trong biên bản hòa giải thành.

Văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Do vậy, căn cứ Điều 227 – BLTTDS; HĐXX xét xử vụ án vắng mặt ông C, bà H.

[2] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh Bắc Ninh có quan hệ tín dụng với bên vay là ông Đàm Thế C và bà Trương Thị H. Hai bên đã tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng số: LD 1923500172 ngày 27/8/2019 (viết tắt HĐTD). Ngân hàng cho ông C, bà H vay số tiền là 700.000.000đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất đồ mỹ nghệ. Quá trình vay, ông C và bà H mới thanh toán khoản tiền hết tháng 11/2019.

Ngoài ra, giữa ông C và Ngân hàng cũng ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Số thẻ 970403-2380, số tài khoản thẻ 3429817400. Ông C đã thực hiện giao dịch

với số tiền 774.800.000đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 749.600.000đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số LD/1722900008/HĐTCa ngày 18/8/2017 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung của hợp đồng thế chấp tài sản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất của thửa đất số 560, tờ bản đồ số 1, diện tích 110m² tại thôn MĐ, xã HM (nay là Khu phố MĐ, phường HM), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS231240, số vào sổ GCN: CH00724 ngày 28/3/2014 cho chủ sử dụng là ông Đàm Thế Cộng.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên hoàn tự nguyện, đúng pháp luật. Hợp đồng Thế chấp tài sản được ký kết tại Văn phòng Công chứng Bắc Hà. Văn bản công chứng về Hợp đồng thế chấp tài sản cũng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về công chứng. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện: Tài sản thế chấp không có sự thay đổi như khi ký hợp đồng thế chấp tài sản. Hiện vẫn do vợ chồng ông Cộng, bà Huyền và các con chưa thành niên sử dụng.

HĐXX đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông C, bà H phải thanh toán các khoản (tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/6/2021), gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nợ gốc: 700.000.000đồng; Dư nợ lãi 153.619.848 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn 116.759.996 đồng; Lãi quá hạn 30.222.739 đồng; Lãi phạt 6.637.113đồng). Các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ;

- Khoản tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Tổng số tiền 61.980.550đồng (Trong đó số tiền gốc: 43.327.930đồng; Lãi quá hạn: 18.652.620đồng). Các khoản phí, lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã thỏa thuận cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ;

Nếu ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp. Nếu việc xử lý tài sản thế chấp chưa đủ để thu hồi nợ, ông C, bà H tiếp tục phải thanh toán cho Nguyên đơn khoản nợ còn lại.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại Nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông C, bà H phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn là: 853.619.848đồng + 61.980.550đồng = 915.600.398đồng

Với số tiền 800.000.000đồng: Án phí là 36.000.000đồng. Số tiền còn lại được tính: $[(915.600.398\text{đồng} - 800.000.000\text{đồng}) : 100] \times 3 = 3.468.000\text{đồng}$ (làm tròn số). Tổng số tiền là: 36.000.000đồng + 3.468.000đồng = 39.468.000đồng. Ông C, bà H do hoàn cảnh khó khăn, không tự mình gây ra vì ảnh hưởng dịch bệnh Covid – 19, có đơn đề nghị giảm án phí. Nên HĐXX xét giảm án phí. Ông C, bà H còn phải chịu 19.734.000đồng.

Chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp hết số tiền 3.000.000đồng. Ông C, bà H phải hoàn trả Nguyên đơn số tiền trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 – BLTTDS

Điểm b khoản 1 Điều 688 – Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323; khoản 1 Điều 325, Điều 351, Điều 463, Điều 466 - Bộ luật dân sự 2015;

Điều 167 – Luật Đất đai năm 2013;

Điều 91, Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín:

Tuyên xử:

I. Buộc ông Đàm Thế C, bà Trương Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 29/06/2021 là : 915.600.398 đồng (*Chín trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*), trong đó:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng: 853.619.848đ (*Tám trăm năm mươi ba triệu sáu trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng*). Trong đó dư nợ gốc: 700.000.000đồng; Dư nợ lãi 153.619.848 đồng (Lãi trong hạn 116.759.996 đồng; Lãi quá hạn 30.222.739 đồng; Lãi phạt 6.637.113đồng).

- Khoản tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Tổng số tiền 61.980.550đ (*Sáu mươi một triệu chín trăm tám mươi ngàn năm trăm năm mươi đồng*). Trong đó số tiền gốc: 43.327.930đồng; Lãi quá hạn: 18.652.620đồng).

* Từ sau ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2021; ông C, bà H tiếp tục chịu lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: LD 1923500172 ngày 27/8/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Số thẻ 970403-2380, số tài khoản thẻ 3429817400; cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ.

Trường hợp ông C, bà H không trả hoặc trả không đầy đủ; Nguyên đơn đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 560, tờ bản đồ số 1, diện tích 110m² tại thôn MĐ, xã

HM (nay là Khu phố MĐ, phường HMạ), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS231240, số vào sổ GCN: CH00724 ngày 28/3/2014 cho ông Đàm Thế Công.

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì ông Đàm Thế C, bà Trương Thị H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông C, bà H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 19.734.000đ (*Mười chín triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn đồng*)

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại: 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*), theo biên lai số AA/2019/0004004 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp hết số tiền là 3.000.000đồng. Ông C, bà H hoàn lại số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TX, tỉnh;
- Chi cục THADS
Thị xã Từ Sơn;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phong